

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1057/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Kênh Xáng. Ấp Phú Thọ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- Tại miệng ống xả nước thải vào Kênh Xáng, ấp Phú Thọ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0): X=1115742 Y= 542635.

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* $70\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ hay $2,92\text{ m}^3/\text{giờ}$ (theo công suất hệ thống xử lý nước thải).

2.4. *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy.

2.5. *Chế độ xả nước thải:* Xả gián đoạn.

2.6. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào Kênh Xáng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, cụ thể như sau:*

- Đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031):

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	không	Không
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	54		
3	BOD ₅	mg/l	43,2		
4	COD	mg/l	108		
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	54		

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn Theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

- Kể từ ngày 01/01/2032: Đạt cột B, Bảng 1 ban hành kèm theo QCVN 62:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (trường hợp chưa xác định được phân vùng xả nước thải), cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (QCVN 62:2025/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	không	Không
2	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ⁰ C)	mg/L	≤ 60		
3	Nhu cầu Oxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 150		
	hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/L	≤ 70		
4	Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 100		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 60		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	≤ 14		
7	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 5 000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên tại cơ sở khoảng 1,32 m³/ngày.đêm, được thu gom, xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc, có thể tích là 2 m³. Chủ cơ sở sử dụng ống nhựa với tổng chiều dài khoảng 50m thu gom nước thải từ nhà bếp, nhà vệ sinh,... vào ao xử lý nước thải, xử lý chung với nước thải chăn nuôi.

- **Nước thải từ hoạt động chăn nuôi:** Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi khoảng 4,9m³/ngày, tương đương khoảng 19,6 m³/đợt nuôi (gồm nước vệ sinh nền trại và các thiết bị chăn nuôi sau khi xuất gà) được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở. Nước thải chăn nuôi được thu gom chung với rãnh thu nước mưa bố trí 2 bên trại, nên các trại được vệ sinh vào ngày không có mưa. Do trước khi dùng nước vệ

sinh, nền trại được quét dọn, thu gom sạch sẽ phân cùng trấu độn nên nước thải bị ô nhiễm không lớn, với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh,... Toàn bộ lượng nước thải được thu gom qua hệ thống rãnh bê tông, sâu dần về cuối trại và hướng về ao xử lý nước thải với tổng chiều dài khoảng 820m.

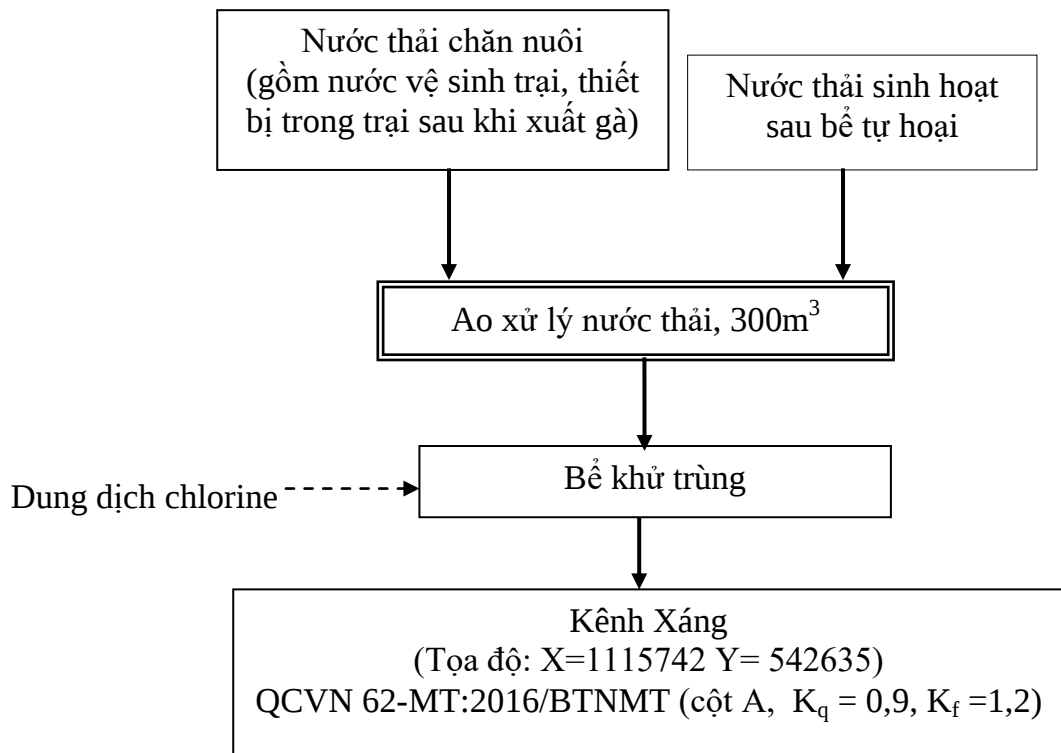
Nước thải sau hệ thống xử lý được Chủ cơ sở sử dụng ống nhựa PE với chiều dài khoảng 10m và cống bê tông với chiều dài khoảng 80m dẫn nước thải sau xử lý (sau bể khử trùng) xả vào Kênh Xáng qua 1 điểm xả thải. Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1115742 Y= 542635.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt*: Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có ngăn lọc, thể tích 2m^3 . Kết cấu bể hình chữ nhật, được xây dựng âm dưới nền đất với cao độ nền thuận lợi cho việc thu gom nước thải chảy vào.

* Hệ thống xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Công suất: $70\text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).
- Công nghệ xử lý: Ao sinh học
- Quy trình công nghệ xử lý:



Thuyết minh quy trình:

Đầu tiên nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, nước vệ sinh nền trại, vệ sinh thiết bị chăn nuôi, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được thu gom vào ao xử lý nước thải có diện tích 200m^2 sâu $1,5\text{m}$ (thể tích khoảng 300m^3) xử lý bằng thủy sinh thực vật.

Thủy sinh thực vật được trồng trong ao như lục bình, rau mác,... Rễ của các loại thực vật thủy sinh này sẽ giữ lại các chất hữu cơ, lơ lửng, dinh dưỡng,... có trong nước

thải. Nhân viên cơ sở sẽ định kỳ thu gom bớt lục bình, rau mác đắp gốc cây, chỉ cho lục bình, rau mác,... phủ khoảng 50% diện tích ao.

Nước thải sau xử lý sẽ được khử trùng tại bể khử trùng, thể tích khoảng $0,75\text{m}^3$ bằng dung dịch chlorine, nồng độ $5\text{g}/\text{m}^3$ nước thải trước khi xả nước thải vào Kênh Xáng.

Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải: bằng dung dịch chlorine, nồng độ $5\text{g}/\text{m}^3$ nước thải.

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành (QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét bùn từ ao sinh học. Định kỳ khoản 1 năm/lần, chủ cơ sở sẽ thực hiện bơm hút bùn đáy ao, sau đó được tận dụng để đắp gốc trồng cây xanh và san lấp mặt bằng tại cơ sở.

- Theo dõi, thường xuyên việc châm hóa chất khử trùng.

- Lập sổ nhật ký vận hành khi vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên vận hành và giám sát hệ thống xử lý nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào Kênh Xáng.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1057/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải (gồm bụi, khí thải và mùi hôi):**

- Nguồn số 01: Bụi và mùi hôi tại ống thoát khí trại 1.
- Nguồn số 02: Bụi và mùi hôi tại ống thoát khí trại 2.
- Nguồn số 03: Bụi và mùi hôi tại ống thoát khí trại 3.
- Nguồn số 04: Bụi và mùi hôi tại ống thoát khí trại 4.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Nguồn số 01: tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 1 (cao 10m so với nền trại).
Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^030'$, múi chiếu 3^0): X=1115822; Y=542726.

- Nguồn số 02: tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 2 (cao 10m so với nền trại).
Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^030'$, múi chiếu 3^0): X=1115822; Y=542719.

- Nguồn số 03: tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 3 (cao 10m so với nền trại).
Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^030'$, múi chiếu 3^0): X=1115809; Y=542715.

- Nguồn số 04: tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 4 (cao 10m so với nền trại).
Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^030'$, múi chiếu 3^0): X=1115796; Y=542681.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 800.000m³/giờ (tổng công suất các quạt hút)

- Nguồn số 01: 200.000m³/giờ
- Nguồn số 02: 200.000m³/giờ
- Nguồn số 03: 200.000m³/giờ
- Nguồn số 04: 200.000m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: thải ra môi trường khi có hoạt động chăn nuôi gà từ phòng xử lý bụi, mùi hôi.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Đạt (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 0,8$, $K_v = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031):

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (Theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 0,8$, $K_v = 1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	192	6 tháng/lần	không
2	H ₂ S	mg/Nm ³	7,2		
3	NH ₃	mg/Nm ³	48		
4	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	-		
		Nm ³ /giờ	-		

- Kể từ ngày 01/01/2032: Đạt cột B, Bảng 1 và Bảng 2 ban hành kèm theo QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (trường hợp chưa xác định được phân vùng môi trường), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn (Theo QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	≤ 20	6 tháng/lần	không
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	≤ 7		
3	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
4	Lưu lượng thải	m ³ /giờ	-		
		Nm ³ /giờ	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải, mùi hôi:

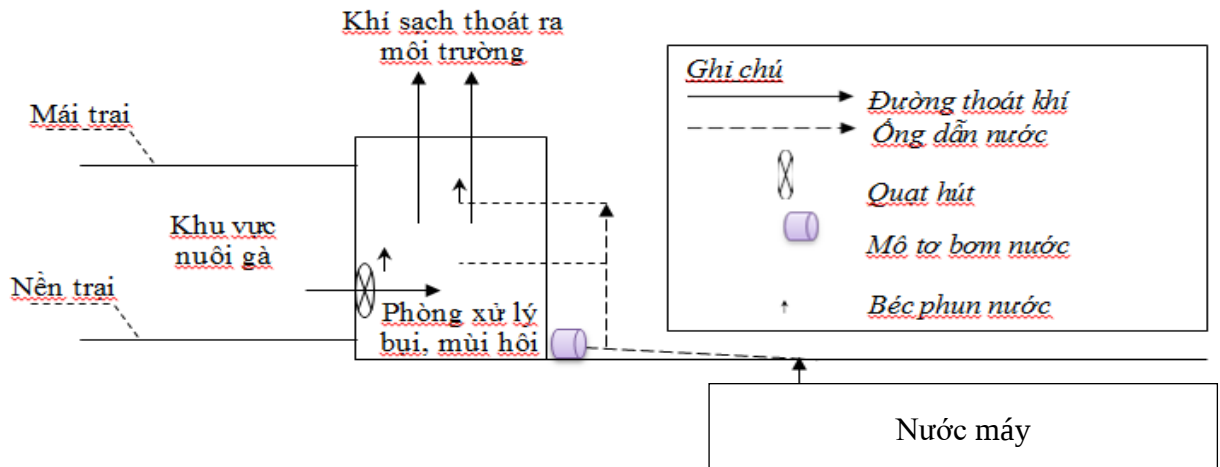
- **Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động chăn nuôi (bụi và mùi hôi phía sau quạt hút):** Hoạt động chăn nuôi gà phát sinh bụi và mùi hôi chủ yếu do mùi phân, quá trình phân huỷ phân, thức ăn, lông gà rơi vãi trong trại được quạt hút lắp đặt phía sau trại gà hút ra ngoài. Thành phần của mùi hôi chủ yếu là H₂S, NH₃, và mùi hôi hỗn hợp; bụi có thành phần chủ yếu là thức ăn rơi vãi, lông gà, vật liệu đệm nền (trấu),...

+ Các trại gà của cơ sở nuôi gà công nghiệp theo mô hình chuồng kín, có hệ thống làm mát.

+ Sử dụng trấu ròi,... làm vật liệu lót nền trong trại gà được đảo định kỳ nhằm làm tăng khả năng hấp thụ nước, giúp chất bài tiết của gà mau khô, giảm thiểu mùi hôi từ chất thải của vật nuôi.

Tại cơ sở có 2 phòng xử lý bụi, mùi hôi sau quạt hút: tương ứng với 4 trại gà, cơ sở bố trí 2 phòng xử lý bụi, mùi hôi phía sau (1 phòng xử lý phía sau trại 1, 2, 3 và 1 phòng xử lý phía sau trại 4). Các phòng xử lý bụi, mùi hôi có nguyên lý hoạt động giống nhau.

Quy trình xử lý bụi, mùi hôi như sau:



Thuyết minh quy trình:

Bụi, mùi hôi phát sinh trong trại chăn nuôi được quạt hút bố trí phía sau trại thu gom vào phòng xử lý bụi, mùi hôi phía sau quạt hút. Khi bụi, mùi hôi vào phòng xử lý sẽ di chuyển lên trên, sau đó thoát ra môi trường.

Chủ cơ sở xây dựng 2 phòng xử lý bụi, mùi hôi cho các trại gà (1 phòng xử lý cho trại gà 4 diện tích 50m^2 và 1 phòng xử lý bụi, mùi hôi chung cho các trại gà 1,2,3 với diện tích khoảng 168m^2). Phòng xử lý bụi, mùi hôi có chiều dài bao bọc hết phía sau các trại gà, chiều rộng khoảng $3,2\text{m}$; cột bằng bê tông cốt thép, vách tường và tôn kín tới mái, cao từ $2,5 - 4,5\text{m}$; mái bằng tôn; nền đất và cát; phía trên mái mỗi phòng xử lý, chủ cơ sở đều bố trí 1 ống thoát khí cao 10m (so với nền trại) để khí thải sau xử lý thoát ra môi trường. Trong ống thoát khí, chủ cơ sở bố trí 2 giàn phun nước, giàn 1 cách nền trại khoảng $4,5\text{m}$, giàn 2 cách nền trại khoảng $5,5\text{m}$ dùng nước để xử lý bụi, mùi hôi. Khi hoạt động sẽ cho giàn phun nước cùng hoạt động. Khi nuôi gà, sẽ cho các giàn phun nước cùng hoạt động.

Chủ cơ sở dùng nước cấp của khu vực để cấp cho hệ thống phun nước cho hệ thống xử lý bụi, mùi hôi từ trại gà. Lượng nước phun trong phòng xử lý bụi, mùi hôi khoảng $1\text{ lít}/\text{m}^2/\text{giờ}$. Gà 1 – 20 ngày tuổi: không phun nước xử lý mùi do gà còn úm; Gà 20 ngày đến khi xuất chuồng: lắp đặt hệ thống phun tự động 1 giờ phun 30 phút (30 phút phun, 30 phút nghỉ), lượng nước mỗi lần phun trong 30 phút khoảng 109 lít . Trung bình 1 ngày phun nước khoảng 12 giờ/ngày, tổng diện tích các phòng xử lý bụi khoảng 218 m^2 , như vậy tổng lượng nước cấp cho xử lý bụi khoảng $2,62\text{ m}^3/\text{ngày}$. Phần nước này được thấm qua nền đất, cát trong phòng xử lý. Đảm bảo phòng thu bụi mùi hôi luôn ướt, khi trời mưa không cần vận hành hệ thống phun nước.

Khi bụi, mùi hôi trong trại được quạt hút thu gom vào phòng xử lý bụi, mùi hôi sẽ di chuyển lên trên, sau đó thoát vào khí quyển. Trong quá trình di chuyển bụi, mùi hôi sẽ tiếp xúc với nước phun từ trên xuống, làm cho bụi và mùi hôi trong dòng khí bị nước hấp thụ rơi lại nền phòng xử lý bụi, mùi hôi. Khí thải (bụi, mùi hôi) sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=0,8$; $K_v=1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, trước khi thải vào môi trường không khí xung quanh (có 4 ống thoát khí).

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo bụi, mùi hôi sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị của hệ thống xử lý bụi, mùi hôi.

- Lập Kế hoạch sửa chữa, khắc phục sự cố, đảm bảo thời gian hệ thống được khắc phục, sửa chữa nhanh chóng.

- Thường xuyên quan sát theo dõi ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, mùi hôi nếu thấy có hiện tượng bất thường phải báo cáo và thực hiện các biện pháp khắc.

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý bụi, mùi hôi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Tần xuất giám sát: 6 tháng/lần.

- Vị trí quan trắc:

- + Tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 1 (cao 10m so với nền trại). Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1115822; Y=542726.

- + Tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 2 (cao 10m so với nền trại). Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1115822; Y=542719.

- + Tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 3 (cao 10m so với nền trại). Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1115809; Y=542715.

- + Tại ống thoát khí thải phía sau trại gà 4 (cao 10m so với nền trại). Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1115796; Y=542681.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng, NH_3 , H_2S .

- Quy chuẩn so sánh:

- + Đến hết ngày 31/12/2031: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=0,8$, $K_v=1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các hợp chất vô cơ.

- + Từ ngày 01/01/2032: QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- **Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động nhập con giống:** để giảm thiểu ô nhiễm khi nhập gà giống, chủ cơ sở yêu cầu nhân viên đơn vị thuê nuôi gia công tắt máy xe tải khi giao gà và phân công nhân viên thu gom ngay phân gà rơi vãi trong ngày sau khi nhập xong gà.

- **Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động lưu trữ nguyên vật liệu:**

+ Hoạt động nhập nguyên, vật liệu: ngoại trừ gà giống được đơn vị thuê nuôi gia công sử dụng xe tải giao đợt đầu, các nguyên vật liệu còn lại được giao định kỳ trong suốt thời gian nuôi (khoảng 4-5 lần/tháng) nên bụi và khí thải phát sinh không đáng kể, được giảm thiểu ô nhiễm bằng cách yêu cầu tài xế tắt máy xe trong quá trình giao nguyên vật liệu cho cơ sở và đưa xe tải vào sát cửa kho chứa thức ăn trong thời gian nhập nguyên vật liệu.

+ Hoạt động dự trữ thức ăn ở kho chứa: Cơ sở sử dụng thức ăn công nghiệp làm nguồn thức ăn cung cấp cho gà, không sử dụng thức ăn tự chế. Thức ăn khi nhập vào cơ sở đã được đóng bao bì cẩn thận, bên trong bao có lớp ni lông bảo vệ nhằm hạn chế gia tăng độ ẩm, mất đạm nên mùi hôi phát sinh không đáng kể.

Để giảm thiểu tối đa mùi hôi phát sinh tại kho chứa thức ăn, chủ cơ sở phân công nhân viên kiểm tra từng bao chứa thức ăn khi nhập kho và sử dụng ngay những bao có dấu hiệu kém an toàn, dễ đổ vỡ. Thức ăn được lưu trữ trong kho trên nền láng xi măng để hạn chế mùi hôi tích tụ và gia tăng độ ẩm gây hư hỏng, phát sinh mùi hôi.

- **Giảm thiểu bụi và mùi hôi do hoạt động xuất vật nuôi khỏi trại:** Sau thời gian nuôi tại cơ sở khoảng 40- 45 ngày (đối với gà lông trắng) hoặc khoảng 65 - 70 ngày (đối với gà lông màu), gà đạt trọng lượng theo yêu cầu được đơn vị thuê nuôi gia công đưa xe tải đến cơ sở thu gom, nên trong quá trình xuất gà sẽ phát sinh bụi, khí thải từ động cơ của xe tải và bụi, mùi hôi từ chất bài tiết của gà và lông gà. Thời gian xuất gà khoảng 2-3 ngày/trại, do đó để giảm thiểu bụi, khí thải và mùi hôi khi xuất gà, cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

+ Yêu cầu đơn vị thuê nuôi gia công đưa xe tải đậu sát trại để đưa gà lên xe và tắt máy xe trong suốt thời gian xuất gà.

+ Giảm bớt quạt hút trong lúc xuất vật nuôi.

+ Thu gom ngay phân gà rơi vãi trên đường nội bộ ngay khi ngưng xuất gà.

- **Giảm thiểu bụi, mùi hôi từ hoạt động thu gom phân, vệ sinh trại và lưu trữ phân chờ xuất bán:**

+ Sau khi xuất gà chủ cơ sở sẽ thu gom phân và chất độn nền khỏi trại. Trong suốt thời gian thu gom phân và chất độn nền, chủ cơ sở sẽ tắt bớt quạt hút và vận hành phòng xử lý bụi, mùi hôi phía sau quạt hút trong suốt quá trình thu gom phân và chất độn nền để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và mùi hôi. Chủ cơ sở cam kết luôn phủ bạt 2 bên trại trong quá trình thu gom phân và chất độn nhằm hạn chế phát tán bụi và mùi hôi ra môi trường.

+ Sử dụng bao nilông còn nguyên vẹn để chứa phân và chất độn nền trại, không sử dụng bao bì bị xì hở để giảm bụi và mùi hôi phát sinh. Đồng thời buộc kín miệng bao chứa phân và chất độn nền.

+ Chủ cơ sở cam kết khi nuôi gà luôn có hợp đồng xuất bán phân gà và chất độn nền với người dân hoặc đơn vị có chức năng nhằm đảm bảo phân gà và chất độn nền sau khi thu gom vào bao chứa sẽ xuất ngay khỏi cơ sở, chủ cơ sở không lưu chứa phân gà và chất độn nền tại cơ sở để giảm thiểu ô nhiễm do bụi, mùi hôi từ việc lưu chứa phân gà và chất độn nền.

- **Giảm thiểu bụi, khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông:** khi cơ sở hoạt động, bụi và khí thải còn phát sinh từ các phương tiện giao thông của khách liên hệ cơ sở (như xe mô tô, ô tô, xe tải). Bụi và khí thải phát sinh từ nguồn này không

lớn và có thành phần chủ yếu như bụi lơ lửng (TSP), SO_2 , NO_x , CO. Để giảm thiểu tối đa bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- + Phân công nhân viên định kỳ vệ sinh, tưới nước đường nội bộ để giảm bụi phát tán vào không khí khi có các phương tiện ra vào cơ sở.

- + Trồng cây xanh ở các khoảng đất trống và cặp ranh đất để che chắn gió, bụi và tận dụng khả năng của cây xanh để hấp thụ bớt bụi, khí thải trong không khí xung quanh.

- ***Giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:*** Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1057/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn 01: tiếng ồn từ các phương tiện ra vào cơ sở (khu vực hồ sát trùng xe).
- Nguồn 02: tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (khu vực đặt máy phát điện).

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

Hoạt động của cơ sở tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ xe tải vận chuyển nguyên, vật liệu, thu gom gà khỏi cơ sở. Theo các số liệu nghiên cứu cho thấy xe tải phát sinh tiếng ồn khoảng 94 dBA (ở khoảng cách 2m) nên vượt giới hạn cho phép khoảng 1,3 lần trong thời gian từ 6 – 21 giờ và vượt giới hạn cho phép khoảng 1,7 lần trong thời gian 21 – 6 giờ. Đường giao thông ra vào cơ sở gần nhà dân nên tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông (xe tải) có khả năng ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

Chủ cơ sở có các biện pháp quản lý và giảm thiểu tác động gây ồn, đảm bảo môi trường làm việc thích hợp cho người lao động, không ảnh hưởng đến sức khỏe của các công nhân làm việc tại cơ sở cũng như các hộ dân lân cận khu vực cơ sở, cụ thể như sau:

+ Đề nghị bên cung cấp nguyên, vật liệu không bấm còi, rú ga xe khi vào khuôn viên cơ sở.

+ Không xuất gà thịt và nhận nguyên, vật liệu sau 21 giờ hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau.

+ Ngoài ra, hoạt động của cơ sở còn phát sinh tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên, máy phát điện chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện. Do đó nguồn tác động này không liên tục và không đáng kể.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5
2	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 03	5
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt)	Rắn	18 02 01	2
4	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	18 01 01	2
5	Bao bì nhựa cứng thải (thùng nhựa chứa dầu nhớt)	Rắn	18 01 03	2
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led hư hỏng)	Rắn	16 01 13	13
Tổng số lượng		-	-	29

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nguồn phát sinh chất thải rắn	ĐVT	Khối lượng
1	Phân gà và vật liệu lót nền (trường hợp nuôi gà lông trắng)	Tấn/năm	388,5
	Phân gà và vật liệu lót nền (trường hợp nuôi gà lông màu)	Tấn/năm	310,8
2	Bao bì chứa thức ăn	Tấn/năm	2,3 – 4,2
3	Xác gà chết không do dịch bệnh	Tấn/năm	0,9 – 1,0
4	Bao bì chứa thuốc sát trùng (là bao bì chứa vôi bột)	Tấn/năm	0,015
5	Bùn thải từ ao sinh học	Tấn/năm	3
Tổng		Tấn/năm	317 - 397

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 9,9 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 60 lít/thùng, có 6 thùng chứa từng loại chất thải riêng biệt.

- Kho chứa chất thải nguy hại:

- + Diện tích kho: $5m^2$

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền gạch men, mái lợp tôn, tường xây gạch, có cửa khóa kín.

Riêng đối với xác gà chết do dịch bệnh được xử lý theo quy định của ngành thú y tại khu vực xử lý xác gà chết.

2.2. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa:

- + Đối với phân gà và vật liệu lót nền trại gà thu gom vào bao nilông buộc kín, xuất bán ngay không lưu trữ. Chủ cơ sở cam kết sử dụng biên bản giao nhận cho mỗi lần chuyển giao theo quy định khi xuất phân gà, vật liệu lót nền khỏi cơ sở. Trong biên bản giao nhận có nêu rõ việc vận chuyển, lưu chứa, sử dụng của bên thu mua không làm rơi vãi, phát sinh bụi, mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

- + Đối với xác gà chết không do dịch bệnh: thu gom vào bao nilông và bán cho người dân dùng nuôi bò sát, thủy sản,... hoặc xử lý chôn lấp ngay tại hố chôn lấp xác gà chết.

- + Đối với bao bì chứa thức ăn và bao bì chứa thuốc sát trùng: thu gom vào bao nilông lưu trữ vào Khu vực chứa chất thải rắn thông thường.

- + Bùn thải từ ao sinh học: Được nạo vét định kỳ và bón cho cây trồng trong khuôn viên cơ sở và san lấp mặt bằng tại cơ sở.

- Khu vực chứa chất thải rắn thông thường:

- + Diện tích khu vực chứa: $13m^2$

- + Thiết kế, cấu tạo của khu vực chứa: Nền bê tông, mái lợp tôn, vách tường.

2.3. Hệ thống, công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 60 lít/thùng. tại khu vực nhà ở và văn phòng và tập kết ra thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng tại khu vực phía trước cổng cơ sở.

- Khu vực lưu chứa:

- + Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực tập kết rác sinh hoạt): Khoảng $1m^2$.

- + Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố phòng cháy chữa cháy (PCCC):

- Trang bị tiêu lệnh, nội quy để tuyên truyền, hướng dẫn nhân viên cách để phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ.

- Trang bị bình chữa cháy.
- Trang bị hệ thống bơm nước PCCC theo quy định.
- Trong các kho, trại có lối đi chính rộng thuận tiện hoạt động PCCC.

- Bố trí dây dẫn điện phù hợp công suất của thiết bị tiêu thụ điện, dây điện được đi trong ống nhựa, bảng điện được lắp đặt phù hợp tầm sử dụng. Phân công nhân viên thường xuyên kiểm tra ổ cắm điện và thay mới khi phát hiện có dấu hiệu hư hỏng nhằm hạn chế tối đa sự cố có thể xảy ra.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy như: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Biện pháp phòng chống dịch bệnh

- Theo dõi chặt chẽ vật nuôi mới đưa về cơ sở để theo dõi tình trạng bệnh tật có hướng điều trị kịp thời.

- Định kỳ 7 ngày phun thuốc diệt chuột, ruồi, muỗi, thuốc sát trùng xung quanh trại.

- Không cho vật nuôi (chó, mèo), gia súc khác ra vào khu vực nuôi.

- Tiêm ngừa cho gà đúng theo lịch tiêm phòng, quy định của ngành thú y. Tiêm phòng các bệnh như Newcastle (bệnh gà rù), đậu gà, Gumboro, tụ huyết trùng, H₅N₁,...

- Bố trí các hồ chứa dung dịch sát trùng như sữa vôi,... tại các lối ra vào để công nhân sát trùng giày, dép, xe đẩy thức ăn,... khi di chuyển ngang qua.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi để giảm thiểu các khí thải như H₂S, NH₃,... gây độc cho vật nuôi.

- Bố trí phòng sát trùng riêng (4 m²) để công nhân thay đổi trang phục, dụng cụ cá nhân, giày dép trước khi vào khu vực trại chăn nuôi.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho nhân viên như quần áo, khẩu trang, ủng,... để nhân viên sử dụng khi vào khu vực trại chăn nuôi.

- Bố trí trạm khử trùng cho xe tải khử trùng khi xe ra vào cơ sở.

- Kết hợp cùng cán bộ chuyên ngành của đơn vị thuê nuôi gia công để theo dõi sức khỏe vật nuôi.

Trường hợp xảy ra dịch bệnh, các biện pháp phòng chống được thực hiện là:

- Thông báo ngay với đơn vị thuê nuôi gia công, ngành thú y địa phương. Chữa trị bằng các loại thuốc đặc trị. Không sử dụng các loại thuốc cấm theo quy định hiện hành. Xác vật nuôi bị dịch bệnh chết được xử lý đúng theo quy định của ngành thú y để hạn chế lây nhiễm.

- Đối với dãy trại phát hiện có dịch bệnh sẽ phun thuốc sát trùng để giảm thiểu mùi hôi và tiêu diệt các mầm bệnh với định kỳ tối thiểu 01 lần/ngày. Đồng thời, tiêm kháng sinh cho vật nuôi.

- Ngưng hoạt động xuất nhập vật nuôi đến khi cơ sở được Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh công bố hết dịch để hạn chế dịch bệnh lây lan ra các khu vực khác.

- Khẩn trương tìm ra nguyên nhân phát dịch để công tác dập dịch đạt chất lượng cao và hạn chế tổn thất.

3. Biện pháp phòng ngừa rò rỉ chất thải

- Kiểm tra thường xuyên các khu vực lưu giữ chất thải, dụng cụ lưu chứa đảm bảo phát hiện xử lý kịp thời khi sự cố xảy ra.

- Kho CTNH được trang bị sẵn các thiết bị xử lý ứng phó trường hợp khẩn cấp để xử lý ngay lập tức khi xảy ra sự cố (xèng, thiết bị chữa cháy tại chỗ).

- Thực hiện thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn đúng quy định, không để rơi vãi, tràn đổ ra ngoài.